

Số: /2022/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2022

(DỰ THẢO)

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Hộ nghèo sinh sống bằng nghề sản xuất nông, lâm nghiệp ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng Quy định về điều kiện tách thửa, hợp thửa, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất; hạn mức giao, công nhận đất ở, công nhận đất nông nghiệp tự khai hoang; hạn mức giao đất đối với đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định bình quân hạn mức đất ở, đất sản xuất nông nghiệp cho hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Hộ nghèo sinh sống bằng nghề sản xuất nông, lâm nghiệp ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, đối tượng

a) Phạm vi: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

b) Đối tượng:

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp.

2. Quy định hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân thực hiện theo quy định hạn mức giao đất ở tại khoản 2 Điều 9 Quy định về điều kiện tách thửa, hợp thửa, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất; hạn mức giao, công nhận đất ở, công nhận đất nông nghiệp tự khai hoang; hạn mức giao đất đối với đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng.

3. Quy định hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.

Hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình = số nhân khẩu của hộ x 590m² (590m² là diện tích bình quân giao đất chuyên trồng lúa của 01 nhân khẩu)

Hệ số quy đổi từ các loại đất nông nghiệp sang diện tích đất trồng lúa như sau:

- Đất chuyên trồng lúa: hệ số 1,0
- Đất trồng lúa nước còn lại: hệ số 1,11
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,25
- Đất trồng cây lâu năm: 1,50
- Đất trồng rừng sản xuất: 8,48

* Công thức quy đổi như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Diện tích đất quy} \\ \text{đổi ra đất chuyên} \\ \text{trồng lúa} \end{array} = \frac{\text{Diện tích của loại đất}}{\text{Hệ số của loại đất}} = \dots \text{ m}^2$$

* Tổng diện tích đất sản xuất quy đổi ra diện tích đất trồng lúa của hộ gia đình:

Tổng diện tích đất sản xuất quy đổi ra diện tích đất trồng lúa của hộ gia đình	=	Diện tích đất chuyên trồng lúa	+	Diện tích đất trồng lúa khác quy đổi ra đất chuyên trồng lúa	+	Diện tích đất trồng cây hàng năm khác quy đổi ra đất chuyên trồng lúa	+	Diện tích đất trồng cây lâu năm quy đổi ra đất chuyên trồng lúa	+	Diện tích đất trồng rừng sản xuất quy đổi ra đất chuyên trồng lúa
---	---	--	---	---	---	---	---	---	---	---

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Dân tộc tỉnh, chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành chức năng liên quan, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức rà soát, đối chiếu, xác định hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn, thiếu hoặc chưa có đất ở và đất sản xuất nông nghiệp; hộ gia đình có nhu cầu bức xúc về chỗ ở trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn, căn cứ quy định hạn mức giao đất ở, đất sản xuất nêu trên để xác định đúng đối tượng thiếu hoặc chưa có đất ở, đất sản xuất nông nghiệp và hộ gia đình có nhu cầu bức xúc về chỗ ở trên địa bàn cấp huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội;
- Trung tâm thông tin – VPUBND tỉnh;
- CVP, các PCVP, các CV UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh